

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT VC HOME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT VC HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VC HOME ARCHITECTURE AND INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109404201

**3. Ngày thành lập:** 04/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Bạch Trữ, Xã Tiến Thắng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0365663966

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                    | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...)<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như + công trình nghỉ dưỡng | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330 |
| 18. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</p> <p>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 19. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</p> <p>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</p> <p>- Các công việc dưới bề mặt;</p> <p>- Phòng chống mối mọt</p> <p>- Xây dựng bề bơi ngoài trời;</p> <p>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</p> <p>- Thuê cần trục có người điều khiển</p> | 4390 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:- Tư vấn quản lý dự án đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình; Công việc khảo sát khác phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng do người quyết định đầu tư quyết định.</li> <li>- Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng.</li> <li>- Thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở.</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</li> <li>- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.</li> <li>- Tư vấn và thiết kế thi công phòng chống môi, côn trùng gây hại cho công trình xây dựng</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, giao thông nông thôn - Giám sát thi công lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình công cộng và giao thông - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng - Lập tổng dự toán xây dựng - Đo bóc tách khối lượng công trình, xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng - Khoan thăm dò địa chất</li> </ul> | 7110 |
| 21. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2395 |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>-Bán buôn sơn, vécni<br>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>-Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4931 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4653 |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                        | 7730 |
| 33. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0810 |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 35. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3100 |
| 36. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 37. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời - Sản xuất khung kim loại công nghiệp - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng - Sản xuất vách ngăn văn phòng bằng kim loại                                                                                                                                                             | 2511 |
| 38. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn đấu thầu như: Lọc hồ sơ mời thầu quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                                                                    | 7020 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại)<br>(Đối với những ngành, nghề có điều kiện Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 04/11/2020 đến ngày 04/12/2020

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ VIẾT CHÁT     | Thôn Bạch Trữ, Xã Tiên Thắng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 129.600    | 1.296.000.000         | 36,000    | 013342921                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 129.600    | 1.296.000.000         | 36,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THẾ TƯỜNG | Thôn Bạch Trữ, Xã Tiên Thắng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 72.000     | 720.000.000           | 20,000    | 013513030                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 72.000     | 720.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                   |                           |        |             |        |              |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ THU TRANG | Xóm Trại B, Thôn Khê Ngoại, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 14.400 | 144.000.000 | 4,000  | 001195001645 |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Tổng số                   | 14.400 | 144.000.000 | 4,000  |              |
| 4 | NGUYỄN MINH HẢI      | Thôn Lập Trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 72.000 | 720.000.000 | 20,000 | 013551235    |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Tổng số                   | 72.000 | 720.000.000 | 20,000 |              |
| 5 | PHẠM ĐÌNH TÚ         | Thôn Phú Mỹ, Xã Tự Lập, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 72.000 | 720.000.000 | 20,000 | 013347661    |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                      |                                                                                   | Tổng số                   | 72.000 | 720.000.000 | 20,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ VIỆT CHÁT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/10/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013342921

Ngày cấp: 14/08/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bạch Trữ, Xã Tiến Thắng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bạch Trữ, Xã Tiến Thắng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội